

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/01/2025
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và bà Phan Thị Oanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 403/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1976; Trú tại: D N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Bị đơn: Anh Lô Văn T1, sinh năm 1988; Trú tại: Bản N, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T và đã được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến hay cãi vã mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng chúng tôi trầm trọng dẫn đến chúng tôi ly thân từ năm 2023, ai sống mặc ai không quan tâm đến ai. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lô Văn T1.

Về con chung: có 01 con chung cháu Lô Quốc B, sinh ngày 31/7/2015. Hiện nay cháu đang ở với tôi, do tôi trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao cháu B cho tôi trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày ngày 18/12/2024 được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An bị đơn anh Lô Văn T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T và đã được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến hay cãi vả mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng chúng tôi trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2023, ai sống mặc ai không quan tâm đến ai. Nay tôi (*Lô Văn T1*) thống nhất ly hôn với chị Đặng Thị T.

- Về con chung: có 01 con chung Lô Quốc B, **sinh ngày 31/7/2015**. Hiện nay cháu đang ở với chị T, do chị T trực tiếp chăm sóc cháu. Khi ly hôn, tôi thống nhất giao cháu B cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh T1; được trực tiếp nuôi con chung cháu Lô Quốc B; không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi **con** chung; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18/10/2024, nguyên đơn chị Đặng Thị T trú tại: D N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết ly hôn với anh Lô Văn T1 hiện trú tại Bản N, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Ngày 18/12/2024, bị đơn anh Lô Văn T1 có đơn trình bày được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An có nội dung: “*Tôi thống nhất để Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết vụ ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn theo quy định*”. Như vậy các đương sự tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn để giải quyết tranh chấp. Đối chiếu với quy định điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Mặt khác, cũng tại đơn trình bày ngày 18/12/2024, bị đơn anh Lô Văn T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lô Văn T1.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị T:

Xét, các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn chị T đã giao nộp:

- Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giữa nguyên đơn chị Đặng Thị T với bị đơn anh Lô Văn T1. Tòa án ra Quyết định đình chỉ do nguyên đơn chị Đặng Thị T rút đơn khởi kiện.

- Đơn trình bày của anh Lô Văn T1 được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 24/9/2024 có nội dung: “Tôi với bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến hay cãi vả mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần. Thực tế tôi và bà T đã mạnh ai nấy sống không quan tâm đến ai từ năm 2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và bà T gửi đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đến Tòa án, tôi thống nhất để Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn. Về con chung: Tôi và bà T có một con chung tên Lô Quốc B, sinh ngày 31/7/2015 hiện do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn tôi thống nhất tự nguyện giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết”

- Đơn trình bày của bị đơn anh Lô Văn T1 được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 18/12/2024 có nội dung giống như đơn ngày 24/9/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T cấp năm 2015.

Với các tài liệu chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T.

[3] Về con chung: Bị đơn anh T1 đồng ý giao một con chung cháu Lô Quốc B cho nguyên đơn chị T trực tiếp nuôi và cháu B cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi vợ chồng ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu Lô Quốc B, sinh ngày 31/7/2015 cho nguyên đơn chị T trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của các bên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ nên không phải nộp thêm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T về việc yêu cầu ly hôn với anh Lô Văn T1. Chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Lô Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lô Quốc B, sinh ngày **31/7/2015** cho nguyên đơn chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002982 ngày **08/11/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa nên không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên(01);
- VKSND Tp Tuy Hòa (02);
- Chi cục THADS Tp Tuy Hòa (01);
- Các đương sự (02);
- UBND phường Phú Lâm, Tp Tuy Hòa (01);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Minh Tâm